

# QUAN ĐIỂM PHẬT GIÁO VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI HIỆU QUẢ GIÁO DỤC, PHỔ BIẾN QUAN ĐIỂM ĐÓ TRONG XÃ HỘI

---

Lê Ngọc Thông\*  
Đỗ Hữu Hải\*\*

---

## TÓM TẮT

Bài tham luận với 2 nội dung chính:

(i) Từ giáo lý, tìm hiểu sự định hướng của Phật giáo tới hoạt động xã hội và tính tất yếu giáo dục, phổ biến quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững trong xã hội.

(ii) Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng của tiến trình phổ biến quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững (QĐPG về PTBV) trong xã hội.

Với quy mô mẫu 205 phần tử, nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu thực nghiệm tại nhiều địa phương trên cả nước gồm nhiều địa điểm: Cơ quan đài Tiếng nói Việt Nam, Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Phụ nữ Việt Nam, Đại học Công nghiệp thực phẩm TP Hồ Chí Minh, ...; thời gian từ tháng 10/2018 đến 02/2019, nhằm kiểm định mô hình lý thuyết cũng như các giả thuyết nghiên cứu được đề xuất. Mẫu nghiên cứu được lựa chọn theo phương pháp lấy mẫu tiện lợi, hướng đến tổng thể nghiên cứu là các thành viên xã hội cả Phật tử và thành phần khác. Phương pháp xử lý dữ liệu được thực

---

\*. Tiến sĩ, Giảng Viên, Khoa Lý luận chính trị, trường đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam.

\*\* . ĐH Công nghiệp thực phẩm TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

hiện là: (i) Kiểm định thang đo bằng phân tích hệ số Cronbach's Alpha và độ tin cậy bằng phân tích nhân tố khám phá Exploratory Factor Analysis (EFA); (ii) kiểm định mô hình lý thuyết bằng phân tích nhân tố khẳng định Confirmatory Factor Analysis (CFA);

Kết quả nghiên cứu cho thấy, ở mức ý nghĩa  $P < 0,05$ , có 6 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng của tiến trình phổ biến quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững trong xã hội hiện nay gồm: nội dung và tác dụng của QĐPG về PTBV (N); phương pháp tiến hành PTBV vận dụng QĐPG (V); lực lượng giáo dục, phổ biến QĐPG về PTBV (P); lực lượng tiếp nhận QĐPG về PTBV (T); cơ sở vật chất, phương tiện, điều kiện để phổ biến QĐPG về PTBV (C); Tình hình kinh tế, chính trị - văn hóa xã hội (X). Theo đúng phương pháp và quy trình nghiên cứu, bài viết đã có kết luận về mức độ của từng nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng của tiến trình phổ biến quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững trong xã hội.

## 1. GIỚI THIỆU

**Sáng lập trên căn bản trí tuệ, lấy trí tuệ làm nền tảng giải thoát con người**, Phật giáo không lấy đức tin và tôn sùng lễ bái làm cứu cánh mà giúp con người tự phát triển khả năng, trí tuệ. Phật giáo đưa ra hướng giải quyết có tính thuyết phục và hiệu quả cao về các quy luật, các vấn đề của thực tại. Trong khi thế giới hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại trên con đường phát triển nhân loại, trên tiến trình thực hiện phát triển bền vững cả về lý thuyết và thực tế. Nên cần phát huy các giá trị Phật giáo trong định hướng xã hội giải quyết các bài toán trên của thời đại, nghiên cứu quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững là việc làm có nghĩa thực tiễn và tâm linh to lớn. Trước hết cần phân tích nội dung, sự cần thiết và các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng của tiến trình giáo dục, phổ biến quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững trong xã hội.

## 2. QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ VÀ ĐIỀU TRA NGHIÊN CỨU

Các câu hỏi nghiên cứu

- Căn cứ và nội dung quan điểm Phật giáo *định hướng tiến trình phát triển bền vững* ?

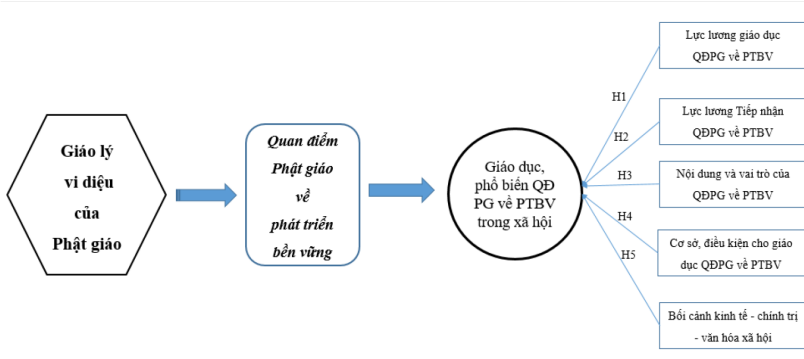
- Có những nhân tố nào, xu hướng và mức mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố tới chất lượng của tiến trình phổ biến quan điểm

Phật giáo về phát triển bền vững trong xã hội hiện nay ?

- Khi xác định được vị trí, vai trò của từng yếu tố, có giúp gì cho phổ biến và thực thi quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững?

**Mô hình nghiên cứu và giả thiết nghiên cứu**

Dựa trên một số lý thuyết liên quan cùng với ý kiến của một số chuyên gia và người quan tâm và am hiểu về Phật giáo và về giáo dục, hình thành mô hình sau:



**Hình 1. Mô hình nghiên cứu<sup>1</sup>**

**Giả thiết nghiên cứu**

Quan điểm Phật giáo định hướng phát triển bền vững có thể tìm thấy từ giáo lý và được giáo dục, phổ biến trong xã hội.

Các nhân tố có mối quan hệ tỷ lệ thuận chi phối tới chất lượng của tiến trình phổ biến quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững

**3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**3.1. Nghiên cứu định tính**

Nghiên cứu lý thuyết về bản chất và mối liên hệ giữa giáo lý Phật giáo và sự phát triển bền vững, về giáo dục và mời phỏng vấn một số chuyên gia và người quan tâm am hiểu về Phật giáo, về giáo dục, về xã hội chuyên gia; xin ý kiến nhân dân qua Phiếu xã hội học.

**3.2. Nghiên cứu định lượng**

1. Nguồn: Nhóm tác giả tự xây dựng

### 3.2.1. Các nguồn dữ liệu

- Dữ liệu sơ cấp: ý kiến, quan điểm của nhân dân và các chuyên gia.
- Dữ liệu thứ cấp: là nguồn thông tin tham khảo từ các tài liệu liên quan đến các chủ đề nghiên cứu ...

### 3.2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

- Dữ liệu thứ cấp thu thập từ các tài liệu sách, tạp chí, dữ liệu từ nguồn Internet hoặc dữ liệu hỗn hợp khác...

- dữ liệu sơ cấp được hình thành qua tìm hiểu xã hội học, thu thập dữ liệu sơ cấp phục vụ cho đề tài này, bài viết cũng lựa chọn phương pháp phỏng vấn để giúp thu được thông tin cần thiết.

#### **Thiết kế bảng hỏi**

Bảng hỏi gồm các phần: thông tin cá nhân, các nội dung tìm hiểu, nội dung khác.

Thông tin cá nhân được yêu cầu từ mỗi đối tượng điều tra bao gồm giới tính, tuổi, trình độ học vấn, vị trí cấp bậc hiện tại trong tổ chức.

Nội dung tìm hiểu: các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng của tiến trình phổ biến quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững. Phần này bao gồm các câu hỏi đóng thuộc những khía cạnh của nhân tố ảnh hưởng do tác giả thống kê từ một số nghiên cứu trước cùng với việc phát triển một vài khía cạnh mới (xem phần phụ lục)

#### **Thiết kế mẫu**

Mẫu nghiên cứu được lựa chọn theo phương pháp thuận tiện trên phạm vi cả nước gồm nhiều địa điểm: Cơ quan đài Tiếng nói Việt Nam, Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Phụ nữ Việt Nam, Đại học Công nghiệp thực phẩm TP Hồ Chí Minh, ...; thời gian từ tháng 10/2018 đến 02/2019, xin ý kiến từ Phật tử và nhân dân, hướng tập trung tới sinh viên – lực lượng có nhiều thuận lợi trong tiếp nhận và thực thi quan điểm PG về PTBV cả trong hiện tại và tương lai.

Kích thước mẫu áp dụng quy tắc 5 mẫu/biến đo lường<sup>2</sup>, dự tính quy mô mẫu khoảng 300.

2. Bollen (1989), khoảng 5 quan sát cho 1 biến đo lường

### ***Phương pháp xử lý dữ liệu***

Quá trình xử lý dữ liệu theo trật tự các bước: (i) kiểm tra và làm sạch dữ liệu; (ii) phân tích dữ liệu với các phương pháp: pp mô tả, pp đánh giá độ tin cậy của thang đo, phương pháp phân tích nhân tố, phương pháp phân tích hồi quy mức độ ảnh hưởng của các yếu tố, Phương pháp kiểm định ANOVA.

## **4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

### **4.1 Quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững – định hướng tiến trình phát triển bền vững**

#### **Lý luận chung về phát triển bền vững**

Từ năm 1980, Thuật ngữ “phát triển bền vững” lần đầu tiên xuất hiện với nội dung: “Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học”.<sup>3</sup> Sau đó, tới năm 1987, khái niệm này được phổ biến rộng rãi với nội dung đầy đủ hơn: Phát triển bền vững là *“sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai...”* [4] Tổ chức ngân hàng phát triển châu Á (ADB): “Phát triển bền vững là một loại hình phát triển mới, lồng ghép quá trình sản xuất với bảo tồn tài nguyên và nâng cao chất lượng môi trường. Phát triển bền vững cần phải đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không phương hại đến khả năng của chúng ta đáp ứng các nhu cầu của thế hệ trong tương lai”.

Như vậy, phát triển bền vững phải bảo đảm có sự phát triển kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, gìn giữ và an ninh quốc phòng. Đó là một quá trình biến đổi mạnh mẽ, dung hòa cả 3 lĩnh vực trên nhằm tạo ra sự tối ưu nhất trong tăng trưởng để đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống của con người (đầy đủ về vật chất, giàu có về tinh thần văn hóa, sự bình đẳng của các công dân và đồng thuận của xã hội, hài hòa giữa con người và tự nhiên) mà không làm tổn hại đến hệ các sinh thái và môi

3. Thuật ngữ “phát triển bền vững” xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1980 trong ấn phẩm Chiến lược bảo tồn Thế giới (công bố bởi Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên Quốc tế - IUCN)

trường trong hiện tại cũng như trong tương lai. Quá trình đó yêu cầu cần triệt để thực thi các yêu cầu: (i) hệ thống chính quyền các nước phải hành động để xử kịp thời với các sự cố môi trường, ngăn ngừa các thiệt hại về môi trường ở bất cứ nơi đâu; (ii) bình đẳng trong cùng thế hệ và giữa các thế hệ yêu cầu việc thỏa mãn nhu cầu của thế hệ hiện tại không phương hại đến nhu cầu của tương lai; (iii) xã hội trong hiện tại và cả trong tương lai phải có biện pháp, chi phí ngăn ngừa với mức đột tác động xấu nhất; (iv) người gây ô nhiễm và người sử dụng phải trả tiền; (v) Chiến lược toàn cầu “*suy nghĩ toàn cầu, hành động địa phương*”: giải quyết **đồng thời**, cân đối vấn đề môi trường và vấn đề phát triển **vì hạnh phúc con người**. Từ đó thay đổi về chất của sự phát triển theo nghĩa truyền thống. Trong đó, con người là trung tâm, là điều kiện cơ bản, với nhiều chủ thể quản lý, mà trụ cột là sự hài hòa kinh tế-xã hội-môi trường trong việc bảo tồn, sử dụng hợp lý tự nhiên, ...

Cả thế giới đang thực hiện tiến trình phát triển bền vững trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ 4.0, tạo ra những thành tựu mang tính đột phá. Nhưng phải đối mặt với những thách thức to lớn về nhiều mặt: Biến đổi khí hậu toàn cầu, Suy thoái tài nguyên đất, nước, không khí, nghèo đói, dịch bệnh, ... Hệ quả là ba cuộc khủng hoảng lớn về tài chính, năng lượng và lương thực. Cấp thiết toàn thể nhân loại chung tay phát triển bền vững theo hướng: xã hội cac bon thấp và tăng trưởng xanh - xã hội tái tạo tài nguyên, hài hòa với thiên nhiên.

#### 4.2 Quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững và sự định hướng phát triển bền vững

Căn cứ hình thành quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững

Phật giáo xuất hiện trên nền tảng kế thừa tư tưởng, thuật ngữ và phương pháp lập luận từ triết học Vệ đa, Bà la môn và nhiều hệ thống tư tưởng khác của Ấn Độ. Trong đó, có sự phân tích về con người (vật chất và tinh thần: sinh lý học và tâm lý học + xúc cảm tôn giáo và đạo đức + siêu hình học). Mục đích cuối cùng của cuộc đời là giải thoát. Như vậy, hệ thống thế giới quan Phật giáo giải quyết 2 vấn đề lớn: Tồn tại trần thế và việc chấm dứt tồn tại đó. [1]

Đạo Phật đã có rất nhiều đóng góp cho xã hội, góp phần mở ra con đường văn minh đầu tiên cho nhân loại. Hướng tới sự giác ngộ,

giải thoát, đem lại hạnh phúc cho con người, Phật giáo không tách rời lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội. Tôn chỉ đó thể hiện trong 5 giới luật cơ sở - chuẩn mực nền tảng đạo đức Phật giáo.

Không sát sinh nhằm tôn trọng và đảm bảo quyền sống của mỗi cá nhân, bảo vệ mạng sống nhân loại, phi nhân, muôn loài và của mọi sự sống.

Không trộm cắp nhằm đảm bảo quyền sở hữu tài sản của con người trong xã hội. Vì tiếp sau mạng sống là tài sản, tài sản được bảo vệ thì con người cảm thấy được an toàn.

Không tà dâm, không quan hệ tình dục phi pháp. Điều này đảm bảo cho quyền cá nhân, mỗi người trong xã hội có ước vọng sống riêng tư (cuộc sống tình dục và gia đình), không bị quấy rối

Không nói dối, gạt hại người khác. Điều này liên quan đến ngôn từ của con người, sự diễn đạt ngôn ngữ không nên sai lầm đối với bản thân và người khác.

Không uống rượu, không uống các chất gây say, gây nghiện. Vì sự hoạt động thân thể cũng như tinh thần phải tỉnh thức là cần thiết cho cuộc sống cá nhân và xã hội thành công.

Trong kinh Vyaggapajja, Tăng Chi Bộ nói rằng, chúng sinh nên thực hành phát triển cả thể chất và tinh thần với 4 nguyên lý: Kiên trì, Giữ gìn tài sản, Bạn tốt, Quân bình cuộc sống.

Nguyên lý thứ nhất: kiên trì là yếu tố cần thiết để thành công, tránh lười nhác. Muốn loại bỏ lười nhác nên kiên trì theo 5 cách: Sáng suốt, Tích cực, Sáng suốt khi hành động, tùy thời, tùy lúc, Khả năng làm việc, Khả năng tổ chức.

Nguyên lý thứ 2: giữ gìn những tài sản đã kiếm được, rất khó khăn để có được của cải, tiền tài, danh vọng. Con người cần thận, sáng suốt sử dụng những gì bản thân có được phục vụ bản thân và tích cực, chủ động nhân rộng, làm tăng công dụng có ích thiện lương của tài sản tới nhiều người.

Nguyên lý thứ 3: thân cận bạn tốt. Bạn tốt có vai trò vô cùng quan trọng và cần thiết với mỗi người. Đồng thời phát huy ảnh hưởng tích cực, không xa lánh, không ruồng bỏ người chưa tốt.

Nguyên lý thứ 4: cá nhân thực hiện cuộc sống quân bình của



trong cộng đồng<sup>4</sup>. Đó là tâm thanh bình và khả năng phá trừ vô minh. Phật giáo có tự tính xã hội, bình đẳng và công bằng nên hàng tỷ người theo Phật giáo và là Phật tử. Cá nhân có cuộc sống cân bằng là tiền đề phát triển dân chủ trong một quốc gia tương ái, bằng việc an trú thân, khẩu, ý hành với vị đồng phạm hạnh; bình đẳng về tài vật, tu tập và thành tựu tu tập, tri kiến

Nâng tầm khái quát hơn, giáo lý cơ bản của đạo Phật hướng tới một nhân sinh quan cao cả, qua Tứ Diệu Đế: khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế

Nội dung và vai trò của quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững

Nội dung

*Phật giáo với triết lý dẫn thân, hướng con người kết hợp biện chứng của tất cả các phẩm chất và năng lực: từ bi về đạo đức, trí tuệ về lý tính, dũng cảm về hành động, cái này lấy cái kia làm nền tảng cho mình để cuối cùng đạt đến sự thống nhất của giác ngộ và an lạc.*

Quan điểm Phật giáo về PTBV qua kinh tế học Phật giáo

Ủy ban Brahimi của LHQ đã tuyên bố mục tiêu phát triển thiên niên kỷ: mỗi cá nhân có quyền được tôn trọng nhân phẩm, tự do, bình đẳng và có điều kiện sống cơ bản, bao gồm không bị đói và không bị bạo lực, có sự khoan dung và đoàn kết. Về cơ bản, mục tiêu đó là một mục tiêu của kinh tế học Phật giáo<sup>5</sup>. Thực chất, đó là một chiến lược nhấn mạnh đến sự cân bằng giữa kinh tế với sinh thái nhằm phát triển bền vững và quan tâm đến sự bền vững cho thế hệ tương lai. Mô hình được chi phối bởi các nguyên tắc Phật giáo tập trung vào sự bình đẳng, công bằng xã hội và trao quyền – dựa trên nền tảng “chánh mạng” trong Bát chánh đạo. Kinh tế học phương Tây hướng tới tối đa hóa lợi ích, kinh tế học Phật giáo hướng tới tối đa hóa sự thỏa mãn, sự bình đẳng (trong cùng thế hệ và giữa các thế hệ).

KTHPG bàn tới các nội dung: cung và cầu, tiền tệ, kinh tế vĩ mô và vi mô, tín dụng, mức lãi suất, mô hình hóa và dự báo toàn

4. Xem thêm trong kinh Vyaggapajja, đức Phật qua các ví dụ giải thích làm thế nào để có cuộc sống cân bằng.

5 Thuật ngữ “kinh tế học Phật giáo” được nhà kinh tế học người Anh E. F. Schumacher sử dụng lần đầu tiên vào năm 1955 trong cuốn sách “Nhỏ là đẹp” xuất bản năm 1966



cầu. Theo đó, Sự giàu có về mặt tinh thần là sự giàu có không mang tính vật chất. Đó là năng lực hay tài sản tinh thần có được bằng thực hành Phật Đạo, bao gồm bảy kho báu:

tín tài (*Saddhā*), giới tài (*Sīla*), tầm tài (*Hiri*), quý tài (*Ottappa*), văn tài (*Suta*), thí tài (*Cāga*) và tuệ tài (*Paññā*). Sử dụng tài sản một cách đúng đắn với phương châm “con người phải có khả năng sử dụng của cải tránh bị của cải sử dụng”, bao gồm:

- Đáp ứng các nhu cầu cơ bản: Thực phẩm, quần áo v. v. (thức ăn, quần áo và nơi ở); Chăm sóc cha mẹ, vợ con, trả công cho người phục vụ; Đau ốm và các trường hợp khẩn cấp khác; Từ thiện; Tiếp đãi họ hàng thân thích; Tiếp đãi khách khứa; Khất thực để tưởng nhớ những người đã mất; Công đức và cúng dường; Nộp các loại thuế phí cho nhà nước

- Hỗ trợ để nhiều người khác cũng được giàu có về tài sản tinh thần. Khi đó, tài sản được an toàn, không chịu nguy cơ, tổn thất nào.

- Cửa cải thực sự đã là giáo pháp, đức tin, lòng từ bi, sự thỏa mãn, niềm vui, sự khiêm tốn, các quan hệ cá nhân, sự an toàn, sức khỏe, trí tuệ. Nên con người nên phát triển thói quen tiết kiệm. Như con ong hút mật mà không làm hại đến bông hoa. Cách sử dụng đó, nhất quán với Lục Hòa Kính Pháp của Đức Tăng, nhấn mạnh “lợi ích và sự hài hòa cho tất cả”, và cũng phù hợp với tư tưởng hiện đại về việc chia sẻ vinh quang và hưởng thụ. Đồng thời, tránh làm giàu sai trái với tinh thần Phật giáo: bằng cờ bạc, cá cược; qua hành vi không đúng đắn, bỏ qua nghĩa vụ gia đình và không chịu tìm kiếm việc làm thích hợp; có hành vi quá mức do say rượu; kiếm lợi từ thông đồng với kẻ vô đạo; đam mê các thú vui không đúng đắn, lãng phí thời gian hoạt động thiếu lành mạnh; lười biếng, trốn tránh công việc

Các phương cách đó vừa có hại cho phát triển con người và có hại với sự bền vững của nền văn minh

Nội dung quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững.

Quan điểm PG về phát triển bền vững bao hàm hai khái niệm quan trọng:

(i) Cửa cải theo cả nghĩa hẹp và nghĩa rộng, đó là sức khỏe, trí tuệ, các mối quan hệ cá nhân, năng lực, sự tin cậy, tài hùng biện, uy

tín, thành công, lịch sử, tính cách và đạo đức. Theo đó, xã hội không được công khai hoặc bí mật khuyến khích hay thực thi: sản xuất và bán vũ khí và đạn dược (vũ khí); sản xuất chất độc; sản xuất, phân phối và bán rượu và các loại thuốc nguy hiểm; nuôi động vật để giết thịt và buôn bán thịt động vật.

(ii) Quan hệ giữa sản xuất: quan hệ giữa sản xuất vật chất với các khía cạnh phi vật chất của cuộc sống. Đó là mối quan hệ giữa người và người: trong gia đình - nhóm cộng đồng - quốc gia - quốc gia khác; giữa con người và tự nhiên: con người - động vật - thực vật

Do vậy, trọng tâm của sự phát triển là tất cả, tất cả con người, sinh vật khác. Một thành tố nào đó bị bỏ quên hay phớt lờ khi sản xuất kinh tế thì sẽ dẫn đến những hậu quả thảm khốc trong tương lai.

Trong hoạt động kinh tế phải đảm bảo các yêu cầu: gìn giữ, sử dụng, tái tạo tài nguyên, ngăn ngừa ô nhiễm và phá hủy môi trường; Sản xuất, tăng trưởng có giới hạn, đạo đức trong tiêu dùng và thụ hưởng có tiết kiệm; Phân phối công bằng thu nhập, điều hòa dân số và nhân lực; ... và tránh: Lợi dụng, bóc lột, tước đoạt những nhu cầu cơ bản của người khác; Làm tăng dục vọng cá nhân; ...

PTBV nhằm thỏa mãn yêu cầu căn bản của con người là lương thực, nước sạch, nhà ở, sức khỏe, giáo dục, an sinh, phúc lợi, quyền phát biểu, quyền tham gia v.v. cùng nhiều yêu cầu tinh thần và vật chất khác. Kinh tế học từ quan điểm đạo đức, kinh tế học Phật giáo giải quyết các vấn đề vĩ mô:

(i) Sản xuất cái gì? Sản phẩm hướng tới sự phát triển tinh thần cũng như vật chất.

(ii) Cho ai? Lợi lạc cho chúng sinh

(iii) Bằng cách nào? Sự «hợp tác» thay cho «cạnh tranh»; lòng vị tha «vì lợi ích của tất cả chúng sinh hiện tại» thay cho ích kỷ; các hành vi dựa trên Trung Đạo, sáu Ba-la-mật (Pāramitās) và chánh niệm đạt được thông qua thiền định, đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh và cho bản thân; với chủ trương phi bạo lực

Giải đáp các vấn đề vĩ mô đó là quá trình hoạt động theo yêu cầu quy luật kinh tế cơ bản của nền kinh tế Phật giáo về mục đích và phương hướng hoạt động kinh tế. Ở đây, tăng trưởng chỉ là phương tiện cho cứu cánh là phát triển bền vững, tiến bộ con người.

Nền kinh tế được tổ chức và quản lý theo phương châm: kiểm chế (sayama) và tự kiểm soát, giữ gìn của cải, tự chủ, mạnh khỏe, danh sự, tự trọng, và thông minh; cân đối giữa thu nhập với chi tiêu<sup>6</sup>, giữa hiện tại và tương lai; giữa con người và thế giới; thực hành bố thí cho tặng chúng, xem đó như một sự «đầu tư» tốt cho tương lai.

PTBV định hướng tiêu dùng có giới hạn và chủ trương loài người phải xét lại quan niệm và các chuẩn mực về an sinh, phúc lợi và chất lượng của cuộc sống.

PTBV trên tinh thần tứ diệu đế và tuân thủ các con đường Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh Niệm, Chánh Định. Lịch sử Phật giáo đã cho thấy, nếu người dân trên đất nước nào có niềm tin và sống theo lời Phật dạy, thì người dân trên đất nước đó có đời sống tinh thần phong phú, có niềm tin sâu sắc vào quy luật nhân quả, luân hồi và nghiệp báo v.v... nên cố gắng làm lành lánh dữ, tích đức tòng thiện, chung sống với nhau hòa bình và an ổn, luôn nhiệt tình giúp đỡ nhau vượt qua những khó khăn bế tắc trong cuộc sống [3]. Qua đó, cho thấy chiến lược tăng trưởng kinh tế Phật giáo là “mục đích cần phải đạt được là thu lại hạnh phúc tối đa bằng cách tiêu thụ ít nhất.” [2]

Trong tăng trưởng chú trọng tới vấn đề xã hội và môi trường – vừa là động lực, vừa là mục tiêu. Hiện nay, nhân loại có sự tăng trưởng cao về kinh tế, và đã kéo theo nhiều hệ lụy: xã hội có xu hướng mất ổn định từ gia đình tới cộng đồng; chiến tranh xâm lược, xung đột sắc tộc, xung đột tôn giáo v.v.... Con người khó thăng bằng giữa sự tự do và an toàn, suy giảm niềm tự tin và sự khoan dung, v.v. Đời sống tinh thần cá nhân dễ bị thương tổn, mất cân bằng với đời sống vật chất bên ngoài. Do nền kinh tế hiện đáp ứng các nhu cầu giác quan và nhu cầu lợi nhuận của các nhân có khả năng chi trả, ... Dẫn tới các trở ngại cho phát triển bền vững. Chỉ có thể thay đổi thực trạng đó bằng chiến lược, chính sách và phẩm chất đạo đức “giới hạn của sự tăng trưởng”; cổ vũ, đề cao giá trị con người, giảm khổ đau, và thực thi những nguyên tắc dân chủ, ít nhiễm lòng ham muốn vật chất và an sinh của con người

---

6 Kinh Vjagghapajja thuộc Tăng Chi Bộ Kinh (Anguttara Nikāya), về sự hữu ích của cân đối thu chi.

được coi trọng. Hạnh phúc thực sự của cá nhân, của cộng đồng, quốc gia còn là sự an lạc trong tâm hồn, tăng trưởng sự giàu có tâm linh và tôn trọng, bảo vệ môi trường; bằng lòng với cuộc sống ít vật chất đi để sẻ chia với người khác, thực hiện mối tương liên giữa con người với nhau và với vũ trụ.

Vai trò của quan điểm phật giáo trong định hướng thực hiện phát triển bền vững

Định hướng thứ nhất: Xây dựng nhân tính bền vững, nên sự tỉnh thức, giác ngộ, hối cải và tự chuyển hoá nội tâm cho mỗi cá nhân và cả cộng đồng trong hoạch định chính sách xã hội.

Định hướng thứ 2. Xây dựng nền đạo đức người tiêu dùng trong phát triển bền vững. Thực tế, sản xuất kinh doanh không nhằm đáp ứng cho nhu cầu cần thiết, thực tế của con người, mà vì nhu cầu của chính nền kinh tế. Trong đó có sự liên đới giữa thế giới quan của khoa học, hệ thống giá trị của chủ nghĩa tiêu dùng, và vai trò thân học của kinh tế, làm suy đồi “vốn đạo đức”. Do tối đa hóa lợi nhuận và sự tiêu thụ quá mức của cá nhân mà tàn phá thị trường, thiên nhiên, khuyến khích tiêu thụ quá mức, làm tăng trưởng bản ngã, hình thành tư tưởng và đe dọa chiến tranh, nguy hiểm sinh thái, nạn đói trên diện rộng.

Định hướng thứ 3: Cá nhân và cộng đồng hiểu rõ bản chất khổ đau, sự ham muốn và thực hành minh sát trong từng hành động. Từ đó sử dụng và phân bổ đồng đều, hợp lý nguồn tài nguyên giữa các quốc gia, giữa con người và giữa các giới tính; hình thành và thực hiện phong cách sống: đơn giản hóa và biết đủ, tiết chế.

Định hướng thứ 4: *Lý tưởng xã hội là giải phóng con người, hạnh phúc và phúc lợi tối đa của con người trong sự hài hòa với thế giới động - thực vật theo hướng thực hành Trung đạo và hạnh bố thí với lòng từ bi.*

Định hướng thứ 5 – hành vi cá nhân: “Mỗi chủ thể cá nhân phải vượt qua định kiến... “hữu ngã”, ích kỷ, vị kỷ phát huy vô ngã, từ bỏ tham, sân, si và chuyển biến thành sự bao la của từ bi, bác ái, vị tha, khoan dung... đối với xã hội. Cuộc sống đạo hạnh cá nhân tuân thủ giáo lý Bát chánh đạo, đạt tới Lục Ba la mật mà tạo lập sự cân bằng, thăng bằng giữa sự tự do và an toàn, tạo dựng và duy trì sự tin cậy, giữ được niềm tin vào các giá trị xã hội như một điều kiện phổ quát trong đời sống con người. Người có trách nhiệm lãnh đạo, quản lý xã hội

vừa có trí vừa có đức để lãnh đạo không bằng xảo thuật, mà đúng với pháp luật sống theo Pháp” [5]

Định hướng thứ 6 - phát triển bền vững về môi trường: môi trường bao hàm cả môi trường tự nhiên vật chất và môi trường tinh thần. *Hoạt động sản xuất có giới hạn, tiêu dùng và thụ hưởng có tiết kiệm, phân phối công bằng thu nhập, điều hòa dân số và nhân lực, bảo đảm sự cân bằng giữa hai yếu tố nghịch chiều là nhu cầu có khuynh hướng gia tăng nhanh với nguồn tài nguyên bị hạn chế.*

*PTBV đề cao các giá trị nhân bản, tính công bằng trong sản xuất, tiêu dùng và thụ hưởng, liên đới giữa các thế hệ, giữa các quốc gia, giữa hiện tại với tương lai.*

Như vậy, các vấn đề trong phát triển bền vững đều tìm được phương án định hướng từ giáo lý Phật giáo tập trung trong cấu trúc răn “Tứ Diệu Đế”.

Tóm lại, những nội dung cơ bản trong quan niệm Phật giáo định hướng phát triển bền vững:

- *Phát triển bền vững là hạn chế sự tăng trưởng kinh tế vô độ, là tăng trưởng sự giàu có tâm linh và tôn trọng, bảo vệ môi trường mà giá trị cốt lõi: bằng lòng với cuộc sống ít vật chất đi để sẻ chia.*

- *Phát triển bền vững với mục tiêu xây dựng nhân tính bền vững, sự tỉnh thức, giác ngộ, hối cải và tự chuyển hoá nội tâm mỗi con người phù hợp và định hướng cho hoạch định chính sách quốc gia.*

- *Phát triển bền vững thực hiện bắt đầu với hạnh phúc cá nhân, giúp đỡ người khác và nhận thức được trọng trách góp phần đem lại hạnh phúc cho số đông.*

## 5. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG CỦA TIẾN TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ BIẾN QUAN ĐIỂM PHẬT GIÁO VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG XÃ HỘI

### 5.1. Lý luận phát hiện các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng của tiến trình giáo dục, phổ biến quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững trong xã hội

#### 5.1.1. Thực chất của quá trình giáo dục, phổ biến quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững

Giáo dục là một sự đào luyện con người về cả ba phương diện trí tuệ, tình cảm và thể chất. Hiểu đầy đủ hơn: “Giáo dục 1. (**động** từ). Hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra. 2. (danh từ). Hệ thống các biện pháp và cơ quan giảng dạy giáo dục của một nước” [6]

Quá trình giáo dục quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững vừa là quá trình giáo dục theo nghĩa chung như trên, còn mang thêm tính chất giáo dục Phật giáo với mục đích tối hậu là mang lại sự giải thoát khỏi mọi sự khổ đau, phiền não muôn thuở vốn có của cuộc đời, của mọi kiếp sống của bất cứ ai. ... Đó là Niết bàn là hạnh phúc tối cao vĩnh viễn...”<sup>7</sup>. Quá trình trên được tạo nên bởi chủ thể giáo dục (người giáo dục) khách thể - đối tượng giáo dục (người học), mục đích giáo dục, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức giáo dục.

#### Các nhân tố quy định sự giáo dục

Tham gia vào quá trình giáo dục còn có môi trường bên ngoài - môi trường kinh tế - sản xuất, chính trị, văn hóa xã hội) và điều kiện bên trong - môi trường sư phạm và cơ sở vật chất thiết bị tại cơ sở giáo dục. Đối tượng giáo dục ở đây là con người trong tương quan xã hội với các dòng tâm - sinh - vật lý đang trôi chảy trước mắt,... liên quan tới kỹ thuật, tâm lý và phương pháp truyền đạt kiến thức như là một phần của nội dung giáo dục. Khi đó, vừa thu nhập kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng, con người vừa giáo dục để tự nhận thức, phát triển nhân cách theo yêu cầu xã hội. Đó còn là quá trình phát huy vai trò giáo dục cá nhân, gia đình, đoàn thể và xã hội trong các mối quan hệ: giữa cá nhân và đối tác, giữa con người và tổ tiên (huyết thống, đất đai, tâm linh,...) - mối tương quan, tương duyên giữa con người và xã hội: “Mỗi người vì tất cả, tất cả vì mỗi người”, bình đẳng, không phân biệt đẳng cấp, thứ bậc ưu tiên, sang hèn do giòng giống sinh ra. “Không có giai cấp, dòng máu cùng đỏ, trong giọt nước mắt cùng mặn”. Do vậy, khi từng cá nhân được cải thiện, tiến bộ đương nhiên gia đình, học đường, xã hội, quốc gia, và cả thế giới sẽ được cải tiến và cải thiện theo.

7. Thích Nữ Hạnh Từ, “Tìm hiểu về Giáo dục Phật giáo”, đăng tải trên <https://www.bud-sas.org/uni/u-ngan/thgd1.htm>



**5.1.3. Giáo dục Phật giáo để cao trí tuệ - “thấu hiểu” – tinh thức:** biết được đối tượng nhận thức như chúng là, mà trước hết phải hiểu đúng tâm thức để và phải tự trong sạch bản thân; tuân thủ con đường “Trung đạo” và “Chính kiến”; đề cao nguyên tắc “Thiện” tôn trọng cả lý thuyết, cách vận hành và sự vận hành nội dung giáo dục sao cho không gây hại cho bản thân cũng như người khác khi tiến hành. Do vậy, các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng của quá trình giáo dục quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững bao gồm: Lực lượng giáo dục, lực lượng tiếp nhận, nội dung; cơ sở, điều kiện cho giáo dục ; Bối cảnh kinh tế - chính trị - văn hóa xã hội.

**5.2. Điều tra thực tế về các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng của quá trình giáo dục quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững**

Với điều kiện cụ thể, chúng tôi lập bảng hỏi, trong đó có 31 biến quan sát của 6 nhóm nhân tố. Do vậy, số phiếu phát tới người xin ý kiến là 370, thu về được là 328. Số phiếu đã ứng cho phân tích là 246. Điều đó là hợp lý.

Bảng 1. Đặc điểm của mẫu khảo sát

| Đặc điểm           |         | Mẫu n = 250 |            |       |
|--------------------|---------|-------------|------------|-------|
|                    |         | Tỷ lệ %     | % tích lũy |       |
| Tần suất           |         |             |            |       |
| Giới tính          | Nam     | 72          | 28.8%      | 28.8% |
|                    | Nữ      | 178         | 71,2%      | 100%  |
| Trình độ học vấn   | Đại học | 201         | 80,0%      | 80,0% |
|                    | Khác    | 49          | 20,0%      | 100%  |
| Tiếp cận Phật giáo | Phật tử | 84          | 33,6%      | 36,6% |
|                    | Khác    | 166         | 66,4%      | 100%  |

Bảng 2. Kết quả tổng hợp Cronbach 'Alpha

| Các khía cạnh  | Cronbach's Alpha | N of Items | Item | Scale Mean if Item Deleted | Scale Variance if Item Deleted | Corrected Item-Total Correlation | Cronbach's Alpha if Item Deleted |
|--|------------------|------------|------|----------------------------|--------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| Nội dung và tác dụng của QĐPG về PTBV tới xã hội       | 0.883            | 5          | N1   | 17.0467                    | 11.818                         | .777                             | .844                             |
|  |                  |            | N2   | 16.9144                    | 12.696                         | .725                             | .857                             |
|  |                  |            | N3   | 17.0039                    | 12.113                         | .773                             | .845                             |
|  |                  |            | N4   | 16.8716                    | 12.698                         | .675                             | .869                             |
|  |                  |            | N5   | 16.9728                    | 13.113                         | .649                             | .874                             |
| Phương pháp tiến hành vận dụng QĐPG                    | 0.847            | 6          | V1   | 20.0078                    | 13.570                         | .615                             | .824                             |
|  |                  |            | V2   | 20.0506                    | 13.314                         | .659                             | .816                             |
|  |                  |            | V3   | 19.9105                    | 13.605                         | .626                             | .822                             |
|  |                  |            | V4   | 20.1128                    | 13.288                         | .647                             | .818                             |
|  |                  |            | V5   | 20.1012                    | 13.630                         | .607                             | .826                             |
|  |                  |            | V6   | 19.9922                    | 13.656                         | .616                             | .824                             |
| Vai trò của lực lượng phổ biến QĐPG về PTBV tới xã hội | 0.865            | 5          | P1   | 15.9650                    | 11.956                         | .633                             | .849                             |
|  |                  |            | P2   | 15.8054                    | 12.431                         | .638                             | .848                             |
|  |                  |            | P3   | 16.1128                    | 10.632                         | .790                             | .808                             |
|  |                  |            | P4   | 15.9144                    | 11.625                         | .757                             | .820                             |
|  |                  |            | P5   | 16.1089                    | 11.222                         | .632                             | .853                             |
| Lực lượng tiếp nhận QĐPG về PTBV trong xã hội          | 0.883            | 5          | T1   | 16.0506                    | 9.603                          | .710                             | .860                             |
|  |                  |            | T2   | 16.1362                    | 9.438                          | .754                             | .850                             |
|  |                  |            | T3   | 16.1518                    | 9.371                          | .794                             | .841                             |
|  |                  |            | T4   | 16.1790                    | 9.812                          | .654                             | .873                             |

|   |       |   |    |         |       |      |      |
|---|-------|---|----|---------|-------|------|------|
|   |       |   | T5 | 16.2140 | 9.638 | .688 | .866 |
| Cơ sở vật chất, phương tiện, điều kiện để phổ biến QĐPG về PTBV | 0.79  | 5 | C1 | 18.4125 | 3.829 | .588 | .747 |
|   |       |   | C2 | 18.3930 | 3.997 | .616 | .735 |
|   |       |   | C3 | 18.3930 | 3.849 | .650 | .722 |
|   |       |   | C4 | 18.2335 | 4.477 | .542 | .760 |
|   |       |   | C5 | 18.2879 | 4.854 | .466 | .782 |
| Tình hình kinh tế, chính trị - văn hóa xã hội                   | 0.828 | 5 | X1 | 17.5409 | 8.632 | .599 | .801 |
|   |       |   | X2 | 17.4591 | 8.046 | .687 | .775 |
|   |       |   | X3 | 17.4475 | 8.850 | .564 | .811 |
|   |       |   | X4 | 17.7860 | 7.809 | .723 | .764 |
|   |       |   | X5 | 17.4086 | 9.305 | .555 | .813 |

Như vậy, sau khi phân tích đánh giá độ tin cậy của thang đo, các biến quan sát thuộc 5 thang đo (theo bảng 2) được tiếp tục phân tích theo nhân tố. Để đánh giá xem phương pháp phân tích nhân tố khám phá có thực sự phù hợp để phân tích trong trường hợp này không, tác giả sử dụng kiểm định KMO và Bartlett's.

Bảng 3. Kiểm định KMO và Bartlett thang đo các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục, phổ biến QĐPG về PTBV

***KMO and Bartlett's Test***

|  |          |
|--|----------|
| Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy. | .825     |
| Bartlett's Test of Approx. Chi-Square Sphericity | 3986.937 |
| df   | 465      |
| Sig.   | .000     |

Bảng 4 dưới đây cung cấp số liệu về trị số đặc trưng được phân tích từ các biến quan sát. Trong đó có 6 nhân tố có trị số đặc trưng lớn hơn 1 còn lại 25 nhân tố khác có trị số đặc trưng nhỏ hơn 1.

Cũng trong bảng này, tổng chỉ số Tổng bình phương tải nhân tố xoay “Rotation Sums of Squared Loadings” đạt 64,689%. Điều đó nói lên việc sử dụng 6 nhân tố đại diện cho 31 biến quan sát có thể giải thích được 64,689% biến thiên của dữ liệu.

Trong nghiên cứu, tổng chỉ số tổng bình phương nhân tố xoay “Rotation Sums of Squared Loadings” đạt 50% là được chấp nhận.

Như vậy, có thể kết luận sử dụng 6 nhân tố để phản ánh những thông tin cung cấp từ 31 biến quan sát.

Bảng 4. Phân tích chỉ số Eigenvalues của 20 biến quan sát thang đo các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục, phổ biến QĐPG về PTBV

| Total Variance Explained |                     |               |              |                                     |               |              |                                   |               |              |
|--------------------------|---------------------|---------------|--------------|-------------------------------------|---------------|--------------|-----------------------------------|---------------|--------------|
| Component                | Initial Eigenvalues |               |              | Extraction Sums of Squared Loadings |               |              | Rotation Sums of Squared Loadings |               |              |
|                          | Total               | % of Variance | Cumulative % | Total                               | % of Variance | Cumulative % | Total                             | % of Variance | Cumulative % |
| 1                        | 5.756               | 18.568        | 18.568       | 5.756                               | 18.568        | 18.568       | 3.547                             | 11.441        | 11.441       |
| 2                        | 3.781               | 12.198        | 30.766       | 3.781                               | 12.198        | 30.766       | 3.547                             | 11.441        | 22.881       |
| 3                        | 3.482               | 11.232        | 41.998       | 3.482                               | 11.232        | 41.998       | 3.520                             | 11.354        | 34.235       |
| 4                        | 2.885               | 9.306         | 51.304       | 2.885                               | 9.306         | 51.304       | 3.326                             | 10.730        | 44.965       |
| 5                        | 2.356               | 7.599         | 58.903       | 2.356                               | 7.599         | 58.903       | 3.127                             | 10.088        | 55.054       |
| 6                        | 1.794               | 5.786         | 64.689       | 1.794                               | 5.786         | 64.689       | 2.987                             | 9.635         | 64.689       |
| 7                        | .958                | 3.089         | 67.778       |                                     |               |              |                                   |               |              |
| 8                        | .763                | 2.460         | 70.238       |                                     |               |              |                                   |               |              |
| 9                        | .691                | 2.230         | 72.469       |                                     |               |              |                                   |               |              |
| 10                       | .650                | 2.095         | 74.564       |                                     |               |              |                                   |               |              |
| 11                       | .620                | 2.000         | 76.564       |                                     |               |              |                                   |               |              |
| 12                       | .600                | 1.934         | 78.498       |                                     |               |              |                                   |               |              |
| 13                       | .544                | 1.755         | 80.253       |                                     |               |              |                                   |               |              |
| 14                       | .525                | 1.694         | 81.948       |                                     |               |              |                                   |               |              |
| 15                       | .502                | 1.621         | 83.569       |                                     |               |              |                                   |               |              |
| 16                       | .490                | 1.582         | 85.150       |                                     |               |              |                                   |               |              |
| 17                       | .461                | 1.488         | 86.638       |                                     |               |              |                                   |               |              |
| 18                       | .433                | 1.396         | 88.034       |                                     |               |              |                                   |               |              |
| 19                       | .407                | 1.312         | 89.347       |                                     |               |              |                                   |               |              |
| 20                       | .391                | 1.260         | 90.606       |                                     |               |              |                                   |               |              |

|    |      |       |         |  |  |  |  |  |  |
|----|------|-------|---------|--|--|--|--|--|--|
| 21 | .374 | 1.205 | 91.811  |  |  |  |  |  |  |
| 22 | .339 | 1.094 | 92.905  |  |  |  |  |  |  |
| 23 | .323 | 1.041 | 93.946  |  |  |  |  |  |  |
| 24 | .303 | .978  | 94.924  |  |  |  |  |  |  |
| 25 | .273 | .881  | 95.805  |  |  |  |  |  |  |
| 26 | .254 | .818  | 96.623  |  |  |  |  |  |  |
| 27 | .235 | .757  | 97.380  |  |  |  |  |  |  |
| 28 | .231 | .744  | 98.124  |  |  |  |  |  |  |
| 29 | .209 | .673  | 98.797  |  |  |  |  |  |  |
| 30 | .192 | .618  | 99.415  |  |  |  |  |  |  |
| 31 | .181 | .585  | 100.000 |  |  |  |  |  |  |

Extraction Method: Principal Component Analysis.

Bảng 5. Pattern Matrix<sup>a</sup> - thang đo các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục, phổ biến QĐPG về PTBV

| Rotated Component Matrix <sup>a</sup> |           |      |      |   |   |   |
|---------------------------------------|-----------|------|------|---|---|---|
|                                       | Component |      |      |   |   |   |
|                                       | 1         | 2    | 3    | 4 | 5 | 6 |
| N1                                    | .821      |      |      |   |   |   |
| N3                                    | .810      |      |      |   |   |   |
| N4                                    | .786      |      |      |   |   |   |
| N2                                    | .764      |      |      |   |   |   |
| N5                                    | .738      |      |      |   |   |   |
| V2                                    |           | .774 |      |   |   |   |
| V4                                    |           | .747 |      |   |   |   |
| V1                                    |           | .737 |      |   |   |   |
| V3                                    |           | .734 |      |   |   |   |
| V5                                    |           | .726 |      |   |   |   |
| V6                                    |           | .717 |      |   |   |   |
| T3                                    |           |      | .860 |   |   |   |

|    |  |      |      |      |
|----|--|------|------|------|
| T2 |  | .857 |      |      |
| T1 |  | .846 |      |      |
| T5 |  | .770 |      |      |
| T4 |  | .755 |      |      |
| P3 |  |      | .877 |      |
| P4 |  |      | .860 |      |
| P5 |  |      | .770 |      |
| P2 |  |      | .754 |      |
| P1 |  |      | .749 |      |
| X4 |  |      |      | .827 |
| X2 |  |      |      | .801 |
| X1 |  |      |      | .771 |
| X3 |  |      |      | .686 |
| X5 |  |      |      | .659 |
| C3 |  |      |      | .759 |
| C2 |  |      |      | .750 |
| C1 |  |      |      | .727 |
| C4 |  |      |      | .686 |
| C5 |  |      |      | .679 |

Extraction Method: Principal Component Analysis.

Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization.

a. Rotation converged in 5 iterations.

**5.3.1 Nhận xét, bình luận chung về kết quả từ các bảng phân tích thống kê**

Các kết quả trên chỉ nên tham khảo, phần nào có tính chủ quan do người được hỏi chưa đủ điều kiện để nêu ý kiến chính xác. Tự chung lại, người có tâm giúp đỡ đều thừa nhận quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững đã được bao hàm và định hướng từ hệ thống



giáo lý vi diệu của đạo Phật. Qua đó, thấy được vai trò, ý nghĩa của các quan điểm đó. Nên, khẳng định tính tất yếu cần thiết của tiến trình giáo dục, phổ biến quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững. Tiến trình phổ biến ấy chịu sự chi phối của nhiều nhân tố, ở đây đồng thuận với 31 nhân tố chia thành 6 nhóm nhân tố. Trong đó, sự ảnh hưởng với mức độ lỏng dần theo thứ tự:

P3, P4, T3, T2, T1, N1, N3, X2 (Rotated Component Matrix<sup>a</sup> ≥ .8)

N4, P5, X1, V2, N4, N2, T5, C3, C2, V4, V1, V3, ... (Rotated Component Matrix<sup>a</sup> ≥ .7)

X3, C4, C5, X5 (Rotated Component Matrix<sup>a</sup> ≥ .6)

Theo đó, nhân tố trường học có ảnh hưởng mạnh nhất tới chất lượng giáo dục, phổ biến QĐPG về PTBV

## KẾT LUẬN

Theo tinh thần Phật giáo định hướng, phát triển bền vững phải được định hướng đóng góp tích cực cho sự văn minh, tiến bộ của con người, của xã hội, đem lại an lạc và hạnh phúc cho mọi loài. Do vậy, cốt lõi của phát triển bền vững là: Xây dựng nền đạo đức người tiêu dung, tăng trưởng kinh tế có giới hạn, cân bằng giữa nhiều mặt của cuộc sống giữa các hiện tại và tương lai. Giải pháp định hướng quan trọng là tránh bất kỳ một sự lợi dụng, sự ngộ nhận nào với con người hay với thế giới tự nhiên.

\*\*\*

Tài Liệu Tham Khảo

E. F. Schumacher, “Nhỏ là đẹp: Kinh tế học đặt con người làm trọng tâm”, xuất bản lần đầu vào năm 1973.

Hoàng Thị Thơ, “Quan niệm về trách nhiệm xã hội của Phật giáo”. Đăng tải trên <http://chuaxaloi.vn/thong-tin/quan-niem-ve-trach-nhiem-xa-hoi-cua-phat-giao/1200.html>].

Nguyễn Hùng Hậu & Ngô Văn Doanh dịch từ O. Rozenberg, “*Phật giáo- Những vấn đề triết học*” Trung tâm tư liệu Phật học xuất bản - Hà Nội 1990

Phật giáo và sự phát triển bền vững của thế giới. Đăng tải trên <https://www.nguoiduatin.vn/phat-giao-va-su-phat-trien-ben-vung-cua-the-gioi-a80166.html>

Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới – WCED, “Báo cáo *Our Common Future*”

Viện Ngôn ngữ Học, Trung tâm từ điển học, “*Từ Điển Tiếng Việt*”, nxb Giáo dục, 1994, tr. 379.